TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 18/2017/DS-ST
Ngày 30-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Trương Thị Tất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A.

Địa chỉ: đường Z, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995, địa chỉ: khu phố W, phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương; chức vụ: nhân viên, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1986, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A trình bày*:*

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A (sau đây gọi tắt là G) và ông Lê Văn H có ký hợp đồng tín dụng số 20150421–104083–0001, theo hợp đồng tín dụng thì G cho ông H vay số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng), cộng với phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân do bên vay do bên vay là ông H phải mua là 1.045.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) thì tổng số tiền vay là 20.045.000 đồng (hai mươi triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay 4,58%/tháng. Tính cả lãi và gốc thì tổng số tiền ông H phải trả là 34.141.000 đồng (ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), phương thức trả nợ hàng tháng là ông H phải trả số tiền là 1.395.000 đồng (một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tháng cuối cùng phải trả 2.056.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng), thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Thời gian trả bắt đầu từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán cho G được 05 kỳ với số tiền là 6.975.000 đồng (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Từ ngày 22 tháng 3 năm 2016 đến nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Do vậy, G khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H phải thanh toán cho G số tiền nợ là 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng), yêu cầu thanh toán một lần. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150421–104083–0001 ngày 21 tháng 4 năm 2015.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày ngày 28 tháng 9 năm 2017 bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông H thống nhất có ký hợp đồng tín dụng số 20150421–104083–0001 ngày 21 tháng 4 năm 2015 và thống nhất về số tiền vay, nội dung hợp đồng, tổng số tiền phải trả nợ, phương thức trả nợ với G. Ông H thừa nhận chỉ trả cho G 05 kỳ với số tiền là 6.975.000 đồng (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Từ ngày 22 tháng 3 năm 2016 đến nay ông H không thanh toán theo thoả thuận. Trước yêu cầu của G, ông H đồng ý trả cho G số tiền còn nợ là 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng). Ông H có đơn xin vắng mặt trong các lần kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và các lần xét xử.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: giữa ông H và G có ký hợp đồng tín dụng số 20150421–104083 – 0001 ngày 21 tháng 4 năm 2015, ông H thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H có vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ G số tiền 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của G là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của G và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: G khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 20150421–104083–0001 ngày 21 tháng 4 năm 2015 nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có nơi cư trú tại ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là ông H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: hợp đồng tín dụng số 20150421–104083–0001 ngày 21 tháng 4 năm 2015 được ký kết giữa G và ông H là hợp pháp. Ông H thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và ông H xác nhận còn nợ G số tiền 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, G khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền còn nợ là 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 17.728.216 đồng (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 886.410 đồng (tám trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười đồng).

Hoàn trả cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 443.500 đồng (bốn trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002440 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Minh Thảo